TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2022/DS-PT
Ngày 15- 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 15 tháng 3 và 15 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 về ‘Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” .

Do bản án sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện T. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2021/QĐPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Nguyên Tú Nh, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Lê Văn L, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

- Bị đơn: 1. Nguyễn Văn V, sinh năm 1962.

2. Bùi Thị Kim C, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện T, Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bùi Nguyên Tú Nh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Bùi Nguyên Tú Nh và người đại diện hợp pháp anh Lê Văn L trình bày:

- Chị Nh là cháu của bà Bùi Thị Kim C, vợ của ông Nguyễn Văn V. Vào ngày 26/6/2017 (âm lịch) thì ông V, bà C có hỏi vay của chị Nh số tiền là: 300.000.000 đồng. Kể từ ngày ông V, bà C vay số tiền chị Nh cho không có trả tiền lãi và tiền vốn dù chị có đòi nhiều lần. Thời gian tính từ 26/6/2017 (âm lịch) đến 01/8/2019 (âm lịch) tạm tính là 25 tháng x 1,67%/tháng x 300.000.000 đồng = 125.250.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 425.250.000 đồng.

- Đến ngày 17/7/2017 (âm lịch) ông V, bà C hỏi vay chị Nh số tiền 400.000.000 đồng. Kể từ ngày ông V, bà C vay số tiền chị Nh cho đến nay không có trả lãi và tiền vốn dù chị có đòi nhiều lần. Thời gian tính từ 17/7/2017 (âm lịch) đến 01/8/2019 (âm lịch) tạm tính là 24,5 tháng x 1,67%/tháng x 400.000.000 đồng = 163.660.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 563.660.000 đồng.

- Vào ngày 12/01/2018 (âm lịch) thì ông V, bà C vay tiếp của chị Nh số tiền là: 300.000.000 đồng. Kể từ ngày ông V, bà C vay số tiền chị Nh cho đến nay không có trả tiền lãi và vốn vay dù chị có đòi nhiều lần. Thời gian tính từ 12/01/2018 (âm lịch) đến 01/8/2019 (âm lịch) tạm tính là 18,5 tháng x 1,67%/tháng x 300.000.000 đồng = 92.685.000 đồng. Tổng cộng số tiền vốn và lãi là 392.685.000 đồng.

Nay chị Nh rút lại một phần yêu cầu về lãi suất chỉ yêu cầu ông V, bà C trả tiền vay lãi suất là 0,83%/tháng. Cụ thể:

Tiền vay theo biên nhận ngày 26/6/2017 (âm lịch) là vốn 300.000.000đ + lãi 62.250.000 đồng = 362.250.000 đồng.

Biên nhận ngày 17/7/2017 (âm lịch), vốn 400.000.000 đồng + lãi 81.340.000 đồng = 481.340.000 đồng.

Biên nhận ngày 12/01/2018 (âm lịch) vốn 300.000.000 đồng + lãi 46.065.000 đồng = 346.065.000 đồng.

Tổng cộng 03 lần vay gồm tiền vốn và lãi là 1.189.655.000đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Bùi Thị Kim C trình bày:

Vợ chồng ông có vay của chị Tú Nh 03 lần tiền, tổng cộng vốn là 1.000.000.000 đồng, nhưng vợ chồng ông đã trả vốn và lãi nhiều lần cho chị Nh, cụ thể như sau:

- Lần vay thứ nhất: Vào ngày 26/6/2017 (âm lịch) có vay 300.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 2000đồng/triệu/ngày, tức lãi suất 6%/tháng. Tú Nh không

cho vợ chồng ông viết lãi suất vào biên nhận nhưng đã xác nhận cho vay (ông có ghi âm xác nhận).

Vợ chồng ông đã trả lãi cho chị Nh được 02 tháng, mỗi tháng 18.000.000 đồng và trả tiền vốn là 100.000.000 đồng. Đến ngày 26/9/2017 (âm lịch) trả chị Nh số tiền lãi là 12.000.000 đồng và tiền vốn là 200.000.000 đồng. Vợ chồng ông đã trả xong nên chị Nh khởi kiện ông bà không thống nhất.

- Lần vay thứ hai: Vào ngày 17/7/2017 (âm lịch) có vay 400.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 2000đồng/triệu/ngày, tức lãi suất 6%/tháng. Tú Nh không cho vợ chồng ông viết lãi suất vào biên nhận nhưng đã xác nhận cho vay (ông có ghi âm xác nhận).

Đến ngày 26/9/2017, vợ chồng ông có trả lãi cho chị Nh số tiền là 32.000.000 đồng, chị Nh tính lãi 40 ngày.

Sau đó, thời gian từ 10/2017 (âm lịch) đến cuối năm 2018 (âm lịch), nhiều lần chị Nh đến tận nhà ông nhận tiền lãi và vốn cụ thể như sau:

+ Chị Nh đến nhận 04 lần với số tiền 360.000.000 đồng gồm 01 lần nhận 60.000.000 đồng và 03 lần nhận 100.000.000 đồng.

+ Có 03 lần Tú Nh nhờ em của chị Nh là Th (tên thường gọi là T) đến nhà ông nhận tiền với số tiền 50.000.000 đồng gồm 01 lần nhận 30.000.000 đồng và 02 lần nhận 10.000.000 đồng.

+ Có 03 lần gửi tiền cho ông Ba D (là cha ruột Nh, anh bà C) đi ruộng ghé nhà ông, ông đã gửi tiền về trả cho Nh 80.000.000 đồng gồm 01 lần 50.000.000 đồng, 01 lần 10.000.000 đồng và 01 lần 20.000.000 đồng.

Tổng cộng khoản vay ngày 17/7/2017, chị Nh đã nhận của vợ chồng ông là 540.000.000 đồng. Vợ chồng ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của chị Nh.

- Lần vay thứ ba: Vào ngày 12/01/2018 (âm lịch) có vay thêm 300.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 2000đồng/triệu/ngày, tức lãi suất 6%/tháng. Chị Tú Nh không cho vợ chồng ông viết lãi suất vào biên nhận nhưng đã xác nhận cho vay (ông có ghi âm xác nhận).

Vợ chồng ông trả lãi cho chị Nh được 03 tháng, mỗi tháng 18.000.000 đồng. Từ tháng 04/2018 ông không đóng lãi hàng tháng cho chị Nh nữa với lý do làm ăn bị thua lỗ, mẹ ông bệnh nặng phải nuôi dưỡng nên không đi buôn bán lúa nữa.

Ngày 08/01/2019 (âm lịch) chị Nh và anh Ng (chồng Nh) đến nhà ông nhận 190.000.000 đồng.

Ngày 30/01/2019 (âm lịch) chị Nh, anh Ng đến nhà ông nhận 110.000.000 đồng. Anh Ng có xác nhận đã nhận của vợ chồng ông 02 lần 300.000.000 đồng.

Ông không có tiền đóng lãi cho chị Nh nên chị Nh yêu cầu vợ chồng ông phải tham gia các dây hụi do chị Nh làm đầu thảo (gồm 02 dây hụi tháng, 02 dây hụi tuần), mỗi dây hụi ông tham gia 02 phần từ giữa năm 2017 và yêu cầu vợ chồng ông hàng tuần, hàng tháng phải đóng hụi chết mỗi tháng 10.000.000 đồng, mỗi tuần 2.000.000 đồng cho chị Nh.

Nay, vợ chồng ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Nh và yêu cầu Tòa án điều chỉnh lại lãi suất phù hợp với pháp luật vì lãi suất chị Nh cho vay quá cao; vợ chồng ông V, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nh trả lại số tiền mà vợ chồng ông đã đóng nhiều hơn so với lãi suất quy định với số tiền là 148.300.000 đồng; đối với phần hụi, vợ chồng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, khi nào có yêu cầu vợ chồng bà sẽ khởi kiện giải quyết thành vụ kiên khác khi có yêu cầu.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tquyết định:

Căn cứ Điều 429, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Nguyên Tú Nh.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Nguyên Tú Nh.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn V, bà Bùi Thị Kim C.

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Thị Kim C cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Bùi Nguyên Tú Nh số tiền 285.168.900 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Chị Bùi Nguyên Tú Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 39.134.583 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.724.000 đồng theo biên lai thu số 0002696, ngày 05/9/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Nh còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sư sơ thẩm là 12.410.583 đồng.

+ Ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Thị Kim C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.673.445 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.700.000 đồng theo biên lai thu số 0006446, ngày 08/9/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Thị Kim C còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sư sơ thẩm là 17.973.445 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm chị Nh không đồng ý với bản án sơ thẩm và yêu cầu xét xử lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Lý do Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ là bản sao đoạn ghi âm vào xét xử mà không thu thập bản gốc để giám định, có hay không sự cắt ghép giọng nói trong nội dung hội thoại ghi âm. Đồng thời, không có bản gốc để đối chiếu đoạn ghi âm được ghi vào thời điểm nào và thời gian độ dài ghi âm là bao nhiêu; vì không loại trừ đoạn ghi âm chỉ cắt từng đoạn có lợi cho ông V, bà C để cung cấp cho Tòa án. Bên phía ông V, bà C cũng trình bày mục đích ghi âm để gài chị Nh, rõ ràng đây là tình tiết nếu công nhận một bản sao đoạn ghi âm mà không thu thập được bản gốc là không phù hợp với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh L, ông V, bà C có mặt và khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án.

Anh L trình bày: Vẫn giữ ý kiến kháng cáo, chị Nh không có yêu cầu giám định đoạn băng ghi âm. Chị Nh thừa nhận giọng nói trong USB đoạn ghi âm là của chị Nh. Tuy hai bên đã thống nhất chốt nợ là 780.000.000 đồng; đoạn ghi âm chỉ đề cập lãi suất 6%/ tháng nhưng không rõ của số tiền vay nào. Biên nhận ngày 28/6/2017 thống nhất số nợ này đã thanh toán xong nên yêu cầu không tính lại tiền lãi suất đã trả dư. Việc chị Nh thừa nhận như trong đoạn băng ghi âm là do bà C yêu cầu nói như vậy vì nếu không ông V sẽ đánh bà C. Nay chị Nh yêu cầu trả số tiền nợ gốc 780.000.000 đồng của 02 biên nhận nợ còn lại và yêu cầu tính lãi từ tháng 9/2018 trở về sau. Số tiền lãi trở về trước do hai bên có thỏa thuận thanh toán rồi nên không yêu cầu tính tiền lãi lại. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Ông V, bà C trình bày: Đồng ý trả cho chị Nh với số tiền là 285.168.900 đồng vì số tiền nợ ông,bà đã trả cho chị Nh hết rồi. Số tiền vay nợ theo tính toán của Tòa án cấp sơ thẩm không có liên quan gì đến số tiền chơi hụi của hai bên; không có yêu cầu những người nhận tiền như lời trình bày của ông trong đoạn băng ghi âm vào tham gia tố tụng, cũng như có tranh chấp gì với họ trong vụ án này.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Về

nội dung giải quyết vụ án căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thành phần những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng không có ai khiếu nại, yêu cầu thay đổi, bổ sung vấn đề gì.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay, chị Nh kiện yêu cầu giải quyết buộc ông V, bà C trả số tiền 1 tỷ đồng của ba biên nhận (biên nhận ngày 26/6/2017 (âm lịch) vay 300.000.000 đồng, biên nhận ngày 17/7/2017 (âm lịch) vay 400.000.000 đồng, biên nhận ngày 12/01/2018 (âm lịch) vay 300.000.000 đồng; chị Nh rút một phần yêu cầu về lãi suất chỉ yêu cầu ông V, bà C trả lãi suất các lần vay của ba biên nhận đến ngày 01/8/2019 (âm lịch) với lãi suất là 0,83%/tháng. Việc rút một phần yêu cầu của chị Nh là tự nguyện; nên đình chỉ đối với phần yêu cầu mà chị Nh đã rút yêu cầu. Còn đối với ông V, bà C có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nh phải trả lại cho ông, bà số tiền 148.300.000 đồng, là số tiền mà ông, bà cho rằng đã đóng lãi nhiều hơn so với quy định của pháp luật.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm qua thu thập chứng cứ xét yêu cầu của chị Nh, về việc yêu ông V, bà C trả số tiền vay còn nợ. Theo lời trình bày của chị Nh và anh L (là người được chị Nh ủy quyền), thì chị Nh có cho ông V, bà C vay ba khoản vay gồm: Khoản vay ngày 26/6/2017 (âm lịch) ông V và bà C vay 300.000.000 đồng; khoản vay ngày 17/7/2017 (âm lịch) ông V và bà C vay 400.000.000 đồng, khoản vay ngày 18/01/2018 (âm lịch) vay 300.000.000 đồng; tổng cộng ba khoản vay với số tiền là 1.000.000.000 đồng; các biên nhận do ông V viết nội dung, viết tại nhà chị Nh, chữ ký và chữ viết phần người vay cũng là do ông Nguyễn Văn V viết ra và ký tên.

Tuy các biên nhận ghi là mượn tiền, nhưng thực chất là vay tiền và có lãi suất, điều này được như chị Nh thừa nhận tại biên bản đối chất của Tòa án ngày 19/10/2019; chị Nh thừa nhận các biên nhận ngày 26/6/2017(âm lịch), biên nhận ngày 17/7/2017(âm lịch), biên nhận ngày 12/01/2018 (âm lịch) là ông V, bà C vay tiền và thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng, điều này được chị Nh thừa nhận tại phiên Tòa ngày 26/01/2021 là vay có lãi suất là 6%/tháng. Ngoài ra, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Nh và anh L (người được chị Nh ủy quyền) trình bày là số tiền ông V, bà C vay của ba biên nhận của chị Nh, thì ông V, bà C không trả vốn và không đóng lãi, nên kiện yêu cầu giải quyết buộc ông V, bà C trả vốn và trả lãi tiền vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông V lại cung cấp cho Tòa án cuộc ghi âm nói chuyện giữa chị Nh và ông V do ông V ghi âm vào ngày 12/10/2019, tức ghi âm sau khi Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là ngày 02/10/2019. Trong đoạn ghi âm thể hiện: Ông V, bà C còn nợ của chị Nh số tiền vay của bà biên nhận nói trên với số tiền là 780.000.000 đồng và phần lãi suất ông V đã đóng cho chị Nh đến cuối tháng 9/2018 (âm lịch). Chị Nh thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của chị Nh, chị Nh thừa nhận lãi suất cho ông V, bà C vay là 6%/tháng của ba khoản vay. Qua lời trình bày của chị Nh trong đoạn ghi âm cũng như trong quá trình giải quyết vụ án; đã chứng minh được sự thật của vụ án là ông V, bà C đã trả được một phần vốn cho chị Nh của ba biên nhận vay tiền và chỉ còn nợ chị Nh số tiền vốn là 780.000.000 đồng, lãi suất ông V, bà C đã đóng lãi cho chị Nh của các khoản vay là 6%/tháng và đóng lãi đến cuối tháng 9/2018 (âm lịch) thì ông V và bà C không còn đóng lãi nữa cho chị Nh.

[4] Đối với lời trình bày của ông V, bà C, trong quá trình giải quyết vụ án đã thừa nhận ba biên nhận là do ông Nguyễn Văn V viết ra và ký tên, viết tại nhà chị Nh. Ba khoản vay ông V, bà C đã nhận đủ số tiền vay là 1 tỷ; ông V, bà C cũng thừa nhận tuy trong biên nhận ghi là vay tiền, không có lãi suất nhưng thực tế là vay tiền và lãi suất là 6%/tháng. Ông V, bà C cho rằng ba khoản vay trong ba biên nhận mà chị Nh cung cấp để khởi kiện ông, bà thì ông V, bà C đã trả vốn xong và đã trả lãi với lãi suất cao hơn sơ với quy định cho chị Nh, với số tiền là 148.300.000 đồng; các lần trả vốn và trả lãi ông, bà trả cho chị Nh và có gửi cho anh Bùi Nguyên Duy Th (em chị Nh), ông Bùi Thanh D (cha chị Nh); ngoài ra, ông cho rằng chị Nguyễn Thị Th cũng biết việc ông trả tiền cho chị Nh. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì những nhân chứng mà ông V, bà C nại ra, không thừa nhận cũng như không biết việc vay tiền chị Nh của ông V, bà C. Cho nên, việc nại ra này của ông V, bà C là không có căn cứ, cũng như ông, bà không có căn cứ nào khác để chứng minh đã trả hết phần vốn 1 tỷ đồng của ba biên nhận mà ông, bà vay của chị Nh. Ngoài ra, ông bà cũng không có căn cứ, cũng như không chứng minh được các lần đóng lãi suất cho chị Nh với lãi suất cao, mà buộc chị Nh phải trả lại cho ông, bà số tiền là 148.3000.000 đồng. Cho nên, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông V, bà C về việc yêu cầu chị Nh trả số tiền 148.300.000 đồng.

[5] Từ các phân tích trên, xét việc khởi kiện của chị Nh là có một phần căn cứ; nên chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nh đối với mà số tiền mà ông V, bà C vay còn nợ của chị Nh là 780.000.000 đồng. Tuy nhiên, do ông V, bà C đóng lãi cho chị Nh với lãi suất (6%/tháng) cao hơn so với quy định của pháp luật là 20%/năm (tức 1,66%/tháng), nên điều chỉnh lại lãi suất, phần ông V, bà C đóng vượt sẽ trừ vào phần vốn là 780.000.000 đồng. Ngoài ra ông V, bà C còn phải chịu lãi suất 0,83%/tháng mà chị Nh yêu cầu tính từ ngày 01/10/2018 đến ngày 01/8/2019 (âm lịch). Cụ thể:

Biên nhận vay 300.000.000 đồng (ngày 26/6/2017 âm lịch) lãi suất theo thỏa thuận 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức 6%/tháng) đến ngày 30/9/2018 (âm lịch) ông V, bà C đã đóng: 272.400.000 đồng. Lãi suất theo quy định 1,66%/tháng (từ ngày 26/6/2017 đến ngày 30/9/2018 âm lịch) là 75.364.000 đồng.

Biên nhận vay 400.000.000 đồng (ngày 17/7/2017 âm lịch) lãi suất theo thỏa thuận 2.000 đồng /1.000.000 đồng/ngày (tức 6%/tháng) đến ngày 30/9/2018 (âm lịch) ông V, bà C đã đóng: 346.400.000 đồng. Lãi suất theo quy định 1,66%/tháng (từ ngày 17/7/2017 âm lịch đến ngày 30/9/2018 âm lịch) là 95.836.900 đồng.

Biên nhận vay 300.000.000 đồng (ngày 12/01/2018 âm lịch) lãi suất theo thỏa thuận 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức 6%/tháng) đến ngày 30/9/2018 (âm lịch) ông V, bà C đã đóng: 154.800.000 đồng. Lãi suất theo quy định 1,66%/tháng (từ ngày 12/01/2018 âm lịch đến ngày 30/9/2018 âm lịch) là 42.828.000 đồng.

Tổng lãi suất theo thỏa thuận ông V, bà C đã đóng cho chị Nh 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức 6%/tháng) từ ngày vay của 03 biên nhận đến ngày 30/9/2018 âm lịch là 773.600.000 đồng.

Tổng lãi suất theo quy định 1,66%/tháng từ ngày vay của 03 biên nhận đến ngày 30/9/2018 (âm lịch) là 214.028.900 đồng.

[6] Như vậy lãi suất ông V, bà C đã trả vượt so với quy định là 559.571.100 đồng (773.600.000 đồng - 214.028.900 đồng). Số tiền trả lãi vượt so với quy định sẽ được trừ vào số tiền vốn 780.000.000 đồng; ông V, bà C phải trả cho chị Nh là 220.428.900 đồng (780.000.000 đồng - 559.571.100 đồng).

[7] Số tiền lãi của 780.000.000 đồng từ ngày 01/10/2018 âm lịch đến ngày 01/8/2019 âm lịch, tuy vay có thỏa thuận lãi suất nhưng chị Nh chỉ yêu cầu lãi suất 0,83%/tháng là 64.740.000 đồng. Như vậy buộc ông V, bà C phải trả cho chị Nh là 285.168.900 đồng (220.428.900 đồng + 64.740.000 đồng).

[8] Sau khi xét xử sơ thẩm chị Nh kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ngoài nhận định các căn cứ của Tòa án cấp sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu của chị Nh, ông V, bà C ra. Qua xem xét chị Nh kháng cáo nhưng chỉ nêu ra những nội dung trình bày trong đoạn băng ghi âm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần lãi suất là 6%/tháng, không yêu cầu tính lại số tiền lãi ông V, bà C trả cho chị Nh từ tháng 9 năm 2018 trở về trước. Thống nhất số tiền vốn còn lại là 780.000.000 đồng và tính lài tiền lãi từ tháng 9 năm 2018. Xét lời trình bày của anh L đại diện cho chị Nh là không có cơ sở vì hợp đồng vay giữa hai bên về lãi suất; việc trả tiền lãi không rõ ràng; không có sổ sách ghi nhận. Nhưng khi chị Nh khởi kiện ông V, bà C ra Tòa án yêu cầu giải quyết thì đoạn băng ghi âm mới được ông V, bà C ghi âm

cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ giải quyết vụ án, ngoài ra không có chứng cứ gì khác. Các số tiền được Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có liên quan đến số tiền chơi hụi và những người khác. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nh.

[9] Xét thấy tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát tỉnh phát biểu quan điểm về phần nội dung giải quyết vụ án, giữ nguyên là bản án sơ thẩm là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Do yêu cầu của chị Bùi Nguyên Tú Nh kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Nguyên Tú Nh.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Nguyên Tú Nh.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Nguyên Tú Nh.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn V, bà Bùi Thị Kim C.

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Thị Kim C cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Bùi Nguyên Tú Nh số tiền 285.168.900 đồng.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Chị Bùi Nguyên Tú Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 39.134.583 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

26.724.000 đồng theo biên lai thu số 0002696, ngày 05/9/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị Nh còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sư sơ thẩm là 12.410.583 đồng.

+ Ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Thị Kim C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.673.445 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.700.000 đồng theo biên lai thu số 0006446, ngày 08/9/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Thị Kim C còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sư sơ thẩm là 17.973.445 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Bùi Nguyên Tú Nh phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011554, ngày 19/02/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh (Phòng KTNV&THA);
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Chí Tâm